

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Quỳnh;
2. Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại phòng xét xử dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: **số nhà A, ngách E, ngõ A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

2. Bị đơn: anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: **số nhà H, ngách E, ngõ A, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **Phạm Văn T** được tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại **ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** vào năm 2015. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm trong xây dựng kinh tế gia đình, anh **T** thể hiện là người

vô trách nhiệm, anh **T** không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau, hai bên tính cách không hợp, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau, cuộc sống của ai tự người ấy lo, nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh **T**.

Về con chung: chị và anh **T** có một con chung, cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh ngày 18/01/2017 hiện nay cháu đang ở cùng với chị, nên Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, chị xin được nuôi cháu **Á** và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đồng cho đến khi cháu **Á** đủ 18 tuổi. Hiện nay chị không có thai.

Về chia tài sản chung và công nợ: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/4/2023 anh **Phạm Văn T** trình bày: anh và chị **H** kết hôn với nhau vào năm 2015, đăng ký tại **UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình**. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do công việc của anh là lái xe, luôn phải đi xa không có thời gian để chăm sóc gia đình, chị **H** không thông cảm, không hiểu nên dần tới cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng, anh chị không báo cho chính quyền địa phương biết. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay, sau khi ly thân anh vẫn thường xuyên đến chỗ chị **H** sinh sống, với mục đích để vợ chồng có cơ hội hàn gắn lại tình cảm nhưng chị **H** cố tình tránh mặt, hàng tháng anh vẫn đóng tiền học cho con. Nay chị **H** làm đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp chị **H** cương quyết ly hôn, anh nhất trí thuận tình ly hôn, nhưng với điều kiện để anh được nuôi cháu **Phạm Ngọc Á** và đề nghị chị **H** góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điều đ khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Bùi Thị H** xử cho chị **Bùi Thị H** được Ly hôn với anh **Phạm Văn T**;

2. Về con chung: giao cho chị **Bùi Thị H** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh ngày 18/01/2017 cho đến khi cháu **Á** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh **Phạm Văn T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu **Phạm Ngọc Á** thành niên.

4. Chị **Bùi Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002694 ngày 20/12/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên hòa giải và công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị **H**, anh **T** có đăng ký tạm trú tại **tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** nên thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh **T**. Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: chị **Bùi Thị H** và anh **Phạm Văn T** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Nay chị **H** xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh **T** đã trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị **H** làm đơn xin ly hôn anh **T**. Yêu cầu về việc giải quyết ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nội dung vụ án, chị **Bùi Thị H** và anh **Phạm Văn T** kết hôn với nhau vào năm 2015, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không hiểu và thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những lời nói, cũng như hành động xúc phạm nhau, tháng 11/2022 chị **H** và con về sống cùng với bố mẹ đẻ của mình, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Chị **H** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, anh **T** thể hiện là người vô tâm, không quan tâm tới kinh tế gia đình, không tu trí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 11/2022 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh **T**.

Anh **Phạm Văn T** thừa nhận do đặc thù công việc là lái xe nên thường xuyên vắng nhà, không có thời gian để chăm sóc cho gia đình, chị **H** không hiểu và thông cảm cho anh nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện. Nay anh thấy tình cảm giữa anh với chị **H** vẫn có khả năng hàn gắn được, anh xin được đoàn tụ, nhưng anh cũng thừa nhận không có biện pháp gì để vợ chồng trở về đoàn tụ. Anh nhất trí ly hôn chị **H** với điều kiện anh được nuôi cháu **Phạm Ngọc Á**.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: vợ chồng anh **T**, chị **H** sinh sống tại **tổ A, phường T, thành phố T tỉnh Ninh Bình**. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây mất trật tự và ảnh hưởng đến trật tự an tại dân phố. Anh **T**, chị **H** có 01 con chung, cháu **Phạm Ngọc Á** hiện nay cháu **Á** đang sống cùng chị **H**. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án có văn bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** tại phòng Văn Hoá; **phòng L**. Tại văn bản trả lời của phòng văn hoá; phòng Lao động thương binh xã hội: nêu mâu thuẫn vợ chồng chị **H**, anh **T** thường xuyên xảy ra, cãi vã, bất đồng về quan điểm sống không thể hoà giải được. Về con chung chị **H** anh **T** có 01 con chung cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh 18/01/2017 hiện nay cháu đang ở với chị **H**. Quan điểm của phòng **Văn H1; phòng L**, đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị **H** ly hôn với anh **T** căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh **T** và chị **H** có một con chung cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh ngày 18/01/2017, hiện nay cháu đang ở cùng với chị **H**. Anh **T**, chị **H** đều có nguyện vọng nếu ly hôn, anh chị xin được là người trực tiếp nuôi cháu **Á** và yêu cầu bên không nuôi cháu phải góp phí tổn nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu **Á** còn nhỏ, lại là con gái, rất cần sự chăm sóc giáo dục của mẹ, hiện cháu đang ở nhà cùng mẹ và bà ngoại. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi, cần xem xét đến điều kiện để cho cháu có được điều kiện tốt nhất cả về vật chất lẫn tinh thần, cũng như việc học tập của cháu. Anh **T** làm nghề lái xe thường xuyên phải đi xa không có điều kiện chăm sóc con bằng chị **H**, điều này cũng được anh **T** thừa nhận. Vì vậy, cần giao cháu **Phạm Ngọc Á** cho chị **H** là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị **H** đề nghị anh **T** cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng; anh **T** đề nghị nếu được nuôi cháu **Á**, anh yêu cầu chị **H** cấp dưỡng là 1.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mức anh **T** yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng phù hợp với lao động phổ thông trên địa bàn **thành phố T**, do vậy cần chấp nhận mức cấp dưỡng như anh **T** đề nghị là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh **Phạm Văn T** và chị **Bùi Thị H** không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị **Bùi Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con: căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: cho chị **Bùi Thị H** ly hôn với anh **Phạm Văn T**.

2. Về con chung: giao cho chị **Bùi Thị H** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Phạm Ngọc Á**, sinh ngày 18/01/2017 cho đến khi cháu **Á** đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh **Phạm Văn T** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu **Phạm Ngọc Á** thành niên và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày chị **Bùi Thị H** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì anh **Phạm Văn T** còn phải trả số tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: chị **Bùi Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002694 ngày 20/12/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chị **H** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS thành phố Tam Điệp;
- UBND phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phan Ngọc Hà